

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN TRƯỜNG LỘC ĐÔNG ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN TRƯỜNG LỘC ĐÔNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG LOC DONG ANH ELECTRICAL EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRUONG LOC DONG ANH CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110022535

3. Ngày thành lập: 07/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Km số 9, Đường Quốc lộ 3, Thôn Vĩnh Thanh, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 08.6666.0688

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm buôn bán vàng)	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ tổ chức hợp báo)	8230
14.	Dịch vụ đóng gói	8292

15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
16.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
17.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
18.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
23.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
24.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Không gồm các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
25.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
26.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020

27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng: + Khảo sát địa hình; + Khảo sát địa chất công trình - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, bao gồm: + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng; + - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà công nghiệp; + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng; + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông; + - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều); + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình); - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, bao gồm: + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng; + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp; + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + - Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; + Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình. - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy	7110(Chính)
28.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Phân phối và bán lẻ điện (Theo Khoản 15 Điều 3, Thông tư 25/2016/TT-BCT về quy định hệ thống truyền tải điện)	7120
29.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
31.	Quảng cáo	7310
32.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

34.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ tổ chức hợp báo)	7490
35.	Bán buôn tổng hợp	4690
36.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
38.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
39.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
40.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
41.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
42.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
43.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
44.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
45.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
47.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420
48.	Đúc sắt, thép	2431
49.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2432
50.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
51.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
52.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
53.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
54.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
55.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
56.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
57.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
58.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
59.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
60.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
62.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
63.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
64.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
65.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
66.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

68.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
69.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
70.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
71.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
72.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
73.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
74.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
75.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
76.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
77.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
78.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
79.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
80.	Sản xuất máy luyện kim	2823
81.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
82.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
83.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
84.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động bán đấu giá)	4791
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 nghị định Số: 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
86.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
87.	Bốc xếp hàng hóa	5224
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa đường bộ;	5225
89.	Hoạt động viễn thông có dây (Không gồm thiết lập, kinh doanh và bán lại hạ tầng viễn thông công cộng)	6110
90.	Hoạt động viễn thông không dây (Không gồm thiết lập, kinh doanh và bán lại hạ tầng viễn thông công cộng)	6120
91.	Hoạt động viễn thông khác (Không gồm thiết lập, kinh doanh và bán lại hạ tầng viễn thông công cộng)	6190
92.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
93.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

94.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
95.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
96.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
97.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
98.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
99.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
100.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
101.	Sản xuất điện	3511
102.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối và bán lẻ điện (Theo Khoản 15 Điều 3, Thông tư 25/2016/TT-BCT về quy định hệ thống truyền tải điện)	3512
103.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
104.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
105.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
106.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
107.	Xây dựng nhà để ở	4101
108.	Xây dựng nhà không để ở	4102
109.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
110.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
111.	Xây dựng công trình điện	4221
112.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
113.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
114.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
115.	Xây dựng công trình thủy	4291
116.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
117.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
118.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
119.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
120.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
121.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
122.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
123.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
124.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

125.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
126.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	Việt Nam	Xóm Trong, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.700.000.000	30,000	001083046415	
2	TRẦN ĐỨC DŨNG	Việt Nam	Tổ 1, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.600.000.000	40,000	001084026017	
3	NGUYỄN HOÀNG GIANG	Việt Nam	Xóm Trong, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.700.000.000	30,000	001091043550	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083046415

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Xóm Trong, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Trong, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

